

# MỨC ĐỘ THÍCH ỨNG VỚI PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ CỦA CÁC NHÓM SINH VIÊN NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

PHẠM VĂN CƯỜNG\*

Ngày nhận bài: 26/05/2017; ngày sửa chữa: 27/05/2017; ngày duyệt đăng: 08/06/2017.

**Abstract:** With credit training system at universities and colleges in Vietnam today, learning duration in the classroom of students is shortened whereas duration for self-learning and self-study is getting longer. This affects on learning of many ethnic minority students. In this article, author studied the reality of adaptation level to credit training system of 422 ethnic minority students at Thai Nguyen University of Education - Thai Nguyen University and Tay Bac University. Also, the article also points out main causes that impact the levels of adapting credit training system of the students, and then proposes some solutions to help the ethnic minority students adapt to this training model.

**Keywords:** Adaptation, credit training, students, ethnic minority, mountainous areas.

Phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ (HCTC) ở các trường đại học trong cả nước hiện nay về bản chất đòi hỏi sự tích cực, chủ động của sinh viên (SV) để thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ học tập. Các trường đại học ở khu vực miền núi phía Bắc có không ít SV người dân tộc thiểu số (DTTS) theo học. Đặc trưng tâm lý nổi bật của SV DTTS là sự rụt rè, tự ti, ngại tranh luận, phát biểu ý kiến cá nhân,... Những đặc điểm này làm cho việc học tập ở đại học của các em gặp không ít khó khăn. Nghiên cứu để phát hiện thực trạng mức độ thích ứng với phương thức đào tạo theo HCTC của các nhóm SV DTTS; trên cơ sở đó, đề xuất biện pháp giúp các em khắc phục khó khăn là một việc làm mang tính khoa học và cần thiết. Kết quả nghiên cứu này sẽ giúp ích rất nhiều cho giảng viên (GV) các cơ sở đào tạo ở các tỉnh miền núi, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

## 1. Khái niệm công cụ

Khái niệm *thích ứng* xuất phát từ tiếng Latinh là *adapto*. Trong tiếng Anh, tiếng Đức *thích ứng* là *adaption*. Khi chuyển sang tiếng Việt, *adaption* được hiểu là *thích ứng* hay *thích nghi*. Trong tiếng Việt, khái niệm “thích nghi” và “thích ứng” nhiều khi được hiểu đồng nhất với nhau. Về nội hàm, hai khái niệm này đều chỉ sự biến đổi của chủ thể để tồn tại trong môi trường sống, hoàn cảnh hay tình huống của cuộc sống [1; tr 57].

Từ việc nghiên cứu quan niệm thích ứng của các tác giả trong và ngoài nước, chúng tôi thấy rằng thực chất thích ứng là quá trình thích nghi mang đặc trưng của con người trong môi trường mới; qua đó, biến đổi về mặt nhận thức, thái độ phù hợp với những biến đổi của môi trường mới. Đặc biệt, cần phải tạo tính hiệu

quả trong các hoạt động khi môi trường mới có những biến đổi. Trên cơ sở đó, chúng tôi quan niệm: “*Thích ứng với phương thức đào tạo theo HCTC của các nhóm SV người DTTS là quá trình các nhóm SV người DTTS tích cực, chủ động thay đổi nhận thức, thái độ của bản thân để tạo ra hiệu quả hoạt động trong phương thức đào tạo mới*”.

Thích ứng với phương thức đào tạo theo HCTC của các nhóm SV người DTTS miền núi phía Bắc có thể đánh giá trên nhiều khía cạnh, với những tiêu chí khác nhau. Trong nghiên cứu này, chúng tôi lựa chọn 4 khía cạnh thích ứng là: - Thích ứng với quá trình học tập; - Thích ứng với phương pháp giảng dạy của GV; - Thích ứng với các yêu cầu, quy định học tập; - Thích ứng với các mối quan hệ học tập. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ trình bày kết quả nghiên cứu về *hành vi thích ứng* của SV DTTS khu vực miền núi phía Bắc. Theo tâm lý học Macxit, tâm lý, ý thức phải được bộc lộ ra ngoài thành hành vi và hoạt động. Như vậy, hành vi thích ứng được xem là hình thái bên ngoài, là tiêu chí để đánh giá khách quan nhất mức độ thích ứng.

## 2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

**Khách thể nghiên cứu:** Chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 422 SV DTTS ở 2 trường đại học thuộc khu vực miền núi phía Bắc là: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Tây Bắc. Thời gian nghiên cứu từ tháng 1/2013 đến tháng 12/2014.

**Phương pháp nghiên cứu** được chúng tôi sử dụng như: nghiên cứu tài liệu, trò chuyện và phỏng vấn

\* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

sâu, nghiên cứu điển hình, điều tra viết, quan sát, toán thống kê... Trong đó, điều tra viết là phương pháp cơ bản nhất, được sử dụng với mục đích để khảo sát các mặt, các khía cạnh khác nhau trong sự thích ứng với phương thức đào tạo theo HCTC của SV DTTS.

Kết quả tổng hợp được xử lý trên phần mềm xử lý số liệu SPSS, phiên bản 16.0. Các phương án trả lời được SV DTTS tự ước lượng khả năng của bản thân theo thang điểm từ 1-10 tương ứng với các mức độ thực hiện hành động của bản thân mà họ nhận thức, đánh giá.

Căn cứ theo tổng điểm, điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC) của mẫu nghiên cứu, SV DTTS được phân về một trong 3 nhóm thích ứng: - *Nhóm thích ứng cao* gồm những SV DTTS có tổng điểm > (ĐTB + ĐLC); - *Nhóm thích ứng thấp* gồm những SV DTTS có tổng điểm < (ĐTB - ĐLC); - *Nhóm thích ứng trung bình* gồm những SV DTTS có tổng điểm nằm trong khoảng từ (ĐTB - ĐLC) đến (ĐTB + ĐLC).

### 3. Kết quả nghiên cứu

*Bảng 1. Đánh giá chung về các mặt thích ứng với phương thức đào tạo theo HCTC của SV DTTS (ĐTB và ĐLC)*

Các nội dung thích ứng	Tổng hợp (ĐTB, ĐLC)	Nhóm DTTS (ĐTB, ĐLC)		
		Tày, Nùng	Thái, Mường	DTTS khác
Thích ứng với quá trình học tập	6,09 (1,25)	6,11 (1,25)	6,21 (1,18)	5,80 (1,32)
Thích ứng với phương pháp giảng dạy của GV	5,36 (1,68)	5,38 (1,67)	5,54 (1,67)	4,98 (1,72)
Thích ứng với các yêu cầu, quy định học tập	6,81 (0,85)	6,87 (0,83)	6,82 (0,86)	6,60 (0,83)
Thích ứng với các mối quan hệ trong học tập	6,67 (1,29)	6,55 (1,25)	7,10 (1,12)	6,24 (1,48)
<b>Thích ứng chung</b>	<b>6,23 (0,96)</b>	<b>6,23 (0,97)</b>	<b>6,42 (0,92)</b>	<b>5,91 (0,93)</b>

Bảng 1 cho thấy, mức độ thích ứng của SV DTTS khu vực miền núi phía Bắc đạt ĐTB là 6,23/thang điểm 10, tương ứng với mức độ thích ứng trung bình. Trong các mặt của sự thích ứng, SV DTTS “*thích ứng với các yêu cầu, quy định học tập*” là cao nhất (ĐTB = 6,81), sau đó là “*thích ứng với các mối quan hệ trong học tập*” (ĐTB = 6,67) và “*thích ứng với quá trình học tập*” (ĐTB = 6,09). Cuối cùng, “*thích ứng với phương pháp giảng dạy của GV*” là thấp nhất (ĐTB = 5,36). Xét theo nhóm DTTS, nhóm SV người Tày - Nùng và Thái - Mường có kết quả thích ứng tốt hơn nhóm DTTS khác (Sán Diu, Lào, Khơ Mú, Hà Nhì, Dao, Cao Lan, H'Mông, Giáy, Hoa, Sán Chỉ).

SV các nhóm DTTS có đặc trưng tâm lý là sự thật thà, nghe lời nên việc các em tuân thủ tốt nhất các quy định học tập là điều dễ hiểu. Các quy định học

tập thường là những điều bắt buộc SV phải thực hiện, nếu không thực hiện các yêu cầu này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập hoặc bị những hình thức kỉ luật tương ứng nên đây là mặt SV DTTS thích ứng tốt hơn cả.

Về phương pháp giảng dạy ở phổ thông và đại học cũng có nhiều khác nhau. Cách dạy của giáo viên phổ thông thường bám sát các kiến thức chuẩn, tài liệu chuẩn của các môn học nhằm giúp học sinh tham dự các kì thi chung đạt kết quả tốt. Ở đại học, bên cạnh kiến thức đã có ở giáo trình, đề cương bài giảng, GV thường chú trọng đến việc mở rộng, hiểu sâu các vấn đề liên quan. Trong quá trình giảng dạy ở đại học, SV phải tự ghi chép những nội dung quan trọng được GV giảng chậm và nhắc đi nhắc lại. Ở đại học, thời gian học tập trên lớp ít, khối lượng tri thức nhiều nên GV không thể truyền đạt hết tất cả các nội dung bài học trên lớp mà thường tập trung vào những nội dung trừu tượng, khó hiểu còn những nội dung đơn giản, dễ hiểu giao cho SV về nhà tự học, tự nghiên cứu. Với cách thức học tập như vậy, nếu SV DTTS không tích cực học tập ở trên lớp cũng như tự học, tự nghiên cứu ở nhà thì việc thích ứng với phương pháp giảng dạy của GV là khó khăn và kết quả nghiên cứu trên đã cho thấy điều đó.

Để tìm hiểu rõ hơn về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đơn nhất và hỗn hợp đến thích ứng với phương thức đào tạo theo HCTC của SV DTTS, chúng tôi tiến hành điều tra các nguyên nhân. Kết quả thu được như sau (xem *bảng 2*):

*Bảng 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thích ứng với phương thức đào tạo theo HCTC của SV DTTS miền núi phía Bắc*

Biến phụ thuộc: Thích ứng với phương thức đào tạo theo HCTC	r2	Beta	$\rho$	Ảnh hưởng
Biến độc lập:				
<b>I. Đơn nhất</b>				
1. Tính cởi mở trong giao tiếp	0,17	-0,41	0,00	Có
2. Động cơ lựa chọn nghề nghiệp	0,02	0,16	0,00	Có
3. Số lượng bạn bè	0,09	0,32	0,00	Có
4. Mức độ hài lòng về các mặt trong cuộc sống	0,10	0,32	0,00	Có
5. Kỹ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ	0,01	-0,09	0,04	Có
6. Kỹ năng diễn đạt cụ thể, dễ hiểu	0,00	0,03	0,59	Không
7. Kỹ năng thuyết phục đối tượng giao tiếp	0,00	0,02	0,76	Không
8. Kỹ năng tự chủ, điều khiển đối tượng giao tiếp	0,01	-0,10	0,04	Có
9. Sự nhạy cảm trong giao tiếp	0,00	0,02	0,73	Không
<b>II. Hỗn hợp</b>				
Các kỹ năng giao tiếp chung (5, 6, 7, 8, 9)	0,02		0,00	Có
Các yếu tố (1, 2, 3, 4)	0,23		0,00	Có

Bảng 2 cho thấy, tất cả các yếu tố đều có tương quan đến thích ứng với phương thức đào tạo theo HCTC của các nhóm SV người DTTS. Các mối tương quan này có mức độ thuận, nghịch khác nhau. Điều này cho thấy, mỗi một yếu tố ảnh hưởng đến sự thích ứng ở mức độ khác nhau.

Trong các yếu tố trên thì “số lượng bạn bè” và “mức độ hài lòng về các mặt trong cuộc sống” ( $r = 0,32$ ) là các yếu tố có sự tương quan thuận với sự thích ứng và là 2 yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng mạnh nhất đến khả năng thích ứng của SV DTTS. Cả 2 tương quan này đều có ý nghĩa thống kê.

Nghiên cứu các đặc điểm tâm lý của người DTTS nói chung, chúng tôi nhận thấy trong quan hệ bạn bè thì *tính cố kết cộng đồng* của người DTTS là rất cao [2; tr 92]. Trước đây, tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, SV DTTS các tỉnh miền núi phía Bắc xuống học tập thường sống theo cộng đồng ở gần nhau thành những “khu tự trị”, điều này giúp họ đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và các mặt của cuộc sống. Tính cố kết cộng đồng này được tìm thấy trong bản sắc văn hóa của rất nhiều DTTS ở phía Bắc như: H'Mông, Dao, Tày, Thái... Chính từ những đặc trưng về tâm lý, văn hóa dân tộc như vậy nên số lượng bạn bè ảnh hưởng nhiều đến mức độ thích ứng của SV DTTS khi bước vào môi trường học tập mới.

Phân tích một yếu tố khác đó là “mức độ hài lòng về các mặt trong cuộc sống”, thực tế cho thấy SV DTTS có khá nhiều mặt trong cuộc sống hài lòng ở mức độ trung bình và dưới trung bình. Cụ thể: kết quả học tập (37,61%); tình hình tài chính (48,26%); ngành theo học (57%); bản thân (57,11%). Từ kết quả này, có thể nhận thấy khá nhiều SV DTTS chưa thực sự yêu ngành, yêu nghề, năng lực bản thân còn hạn chế nên kết quả học tập của các em không được như mong muốn. Điều này dễ hiểu khi mức độ hài lòng về kết quả học tập thấp nhất. Kết quả học tập thấp dẫn đến việc phải học cải thiện nhiều, tốn kém, làm cho SV DTTS vốn đã khó khăn về kinh tế lại càng khó khăn hơn. Kết quả nghiên cứu trên cho thấy, khi SV DTTS càng hài lòng với các mặt trong cuộc sống thì mức độ thích ứng càng cao. Mối tương quan này là một trong 2 yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất trong các yếu tố chúng tôi tiến hành nghiên cứu.

Trong các yếu tố ảnh hưởng xuất hiện 3 mối tương quan nghịch là “*tính cởi mở trong giao tiếp*” ( $r = -0,41$ ), “*kĩ năng tiếp xúc, thiết lập mối quan hệ*” ( $r = -0,09$ ), “*kĩ năng tự chủ, điều khiển đối tượng giao tiếp*” ( $r = -0,10$ ). Điều này cho thấy, một số nhóm kĩ năng

giao tiếp và mức độ cởi mở trong nhân cách của SV DTTS nếu được thực hiện tốt cũng không ảnh hưởng đến việc thích ứng tốt với phương thức đào tạo theo HCTC của họ.

#### 4. Một số ý kiến đề xuất

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi đề xuất một số ý kiến như sau:

- Trường đại học cần nghiên cứu cơ chế chính sách đối với SV DTTS, xây dựng chế độ đặc thù để khuyến khích SV như: chế độ học bổng, ưu tiên nơi ở, tổ chức các hoạt động Đoàn mang bản sắc văn hóa dân tộc,... Hỗ trợ SV DTTS về mặt vật chất, tinh thần để các em phấn đấu học tập.

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn về phương pháp học tập theo HCTC ở các trường đại học dành cho SV DTTS để các em lựa chọn, tìm ra cách thức học tập phù hợp với bản thân, khắc phục khó khăn về phương pháp học tập.

- Thay đổi nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với định hướng nghề nghiệp, định hướng việc làm để giúp SV DTTS khi ra trường dễ dàng xin việc, tạo động lực phấn đấu trong học tập của các em.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao,... đa dạng, phong phú, phù hợp với bản sắc văn hóa các dân tộc để tạo ra những sân chơi bổ ích, môi trường học tập thân thiện, hỗ trợ cho hoạt động học tập.

\*\*\*

Chất lượng đào tạo là một trong những nhân tố cơ bản quyết định số lượng SV theo học của mỗi trường và việc nâng cao chất lượng đào tạo là một chiến lược phát triển bền vững, sống còn trong giai đoạn phát triển trước mắt. Chúng tôi hi vọng những kết quả nghiên cứu bước đầu sẽ góp phần xây dựng biện pháp tác động hợp lý đến SV DTTS, đồng thời nâng cao chất lượng quản lý và đào tạo ở các trường đại học. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Dũng (2012). *Thích ứng xã hội của các nhóm xã hội yếu thế ở nước ta hiện nay*. NXB Từ điển Bách khoa.
- [2] Vũ Dũng (2013). *Tâm lý học dân tộc*. NXB Khoa học xã hội.
- [3] Phùng Thị Hằng (2010). *Nghiên cứu đặc trưng tâm lý của học sinh dân tộc thiểu số khu vực Đông Bắc Việt Nam*. Đề tài cấp Bộ trọng điểm, mã số: 2010-TN03-32TD.
- [4] Phan Thị Mai Hương (2013). *Phương pháp nghiên cứu trong Tâm lý học*. NXB Khoa học xã hội.
- [5] Nguyễn Như Ý (chủ biên, 2002). *Từ điển tiếng Việt thông dụng*. NXB Giáo dục.